

Số: 453/2023/QĐST- DS

Quận 7, ngày 11 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01/12/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 202/2023/TLST-DS ngày 13/4/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê nhà*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H sinh năm 1966; địa chỉ: Số D L, phường T, Quận G, Tp .; tạm trú: 33B, đường A, Tổ B, Khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Nguyễn Tất L sinh năm 1995; địa chỉ: Số D đường D, Khu dân cư P, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số công chứng 15025 ngày 24/10/2023 tại Văn phòng C, tỉnh Tiền Giang).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Bà Nguyễn Thị Xuân H1 sinh năm 1957 là luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Xuân H1 thuộc đoàn luật sư Thành phố H.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T sinh năm 1990; địa chỉ: Số A Khu phố A, phường P, Quận G, Tp ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Vũ Phước Hiếu s năm 1986; địa chỉ: 4 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số công chứng 00004993 ngày 31/5/2023 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hải N sinh năm 1967; địa chỉ: Số D L, phường T, Quận G, Tp .; tạm trú: 33B, đường A, Tổ B, Khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Nguyễn Vũ Phước Hiếu s năm 1986; địa chỉ: 4 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Võ Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định chấm dứt Hợp đồng cho thuê nhà ngày 30/12/2021.

2.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán tiền thuê nhà cho bà Võ Thị Thu H với số tiền 480.000.000 đồng vào ngày 30/01/2024. Đồng thời bàn giao mặt bằng thuê tại địa chỉ số C, đường A, Tổ B, Khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Võ Thị Thu H vào ngày 30/01/2024.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nếu bà Nguyễn Thị Ngọc T vi phạm thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận nêu trên thì bà Võ Thị Thu H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Bà Võ Thị Thu H không yêu cầu tính lãi

2.4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 11.600.000 đồng.

Bà Võ Thị Thu H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự. H2 lại cho bà Võ Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.102.533 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015807 ngày 12/4/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015808 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Duyên